

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM
Ngày: 17/4/2018
*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán thép cốt bê tông*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thang

Ông Nguyễn Tùng Mậu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-KDTM ngày 16/01/2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán cốt thép bê tông*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội**

Trụ sở: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang M - SN 1994, Chức vụ: Giám đốc Công ty

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T - SN 1988 (Có mặt)

Chức vụ: Phó Giám đốc tài chính Công ty (Giấy ủy quyền số 111/UQ-THN ngày 11/11/2017)

- **Bị đơn: Công ty Cổ phần kinh doanh Thương mại và Xây dựng T**

Trụ sở chính: thôn V, xã T, huyện T, TP Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: P401, Tòa nhà CT1, VMECO, đường N, quận C, TP Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Hoàng Y - SN 1985, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn C - SN 1974 (Có mặt)

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty CP kinh doanh thương mại và xây dựng T (Giấy ủy quyền ngày 11/12/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/11/2017 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội do ông Nguyễn Ngọc T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/02/2017, Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội (sau đây được gọi là Công ty T Hà Nội) ký Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP với Công ty Cổ phần kinh doanh Thương mại và Xây dựng T (sau đây được gọi là Công ty T) về việc mua bán thép xây dựng, theo đó Công ty T Hà Nội bán cho Công ty T các loại thép cốt bê tông cán nóng do các nhà máy Hòa Phát, Việt Đức, Việt Nhật, Việt Hàn, Pomina, Thái Nguyên....sản xuất. Chung loại, số lượng hàng hóa, phương thức giao nhận, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên đã được quy định cụ thể trong hợp đồng. Ngày 10/4/2017, Công ty T Hà Nội đã chuyển giao số lượng hàng hóa và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền hàng đã giao cho Công ty T là 293.247.559 đồng. Ngày 19/7/2017, các bên đã đối chiếu công nợ, theo đó thì Công ty T còn nợ Công ty T Hà Nội số tiền là 302.589.531 đồng. Từ thời điểm đó cho đến nay, Công ty T mới thanh toán 10.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 08/01/2018, hiện nay số nợ gốc còn là 283.247.655 đồng

Nay Công ty T Hà Nội yêu cầu Công ty T phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 06/3/2018 như sau: nợ gốc là 283.247.655 đồng; nợ lãi quá hạn tính theo thỏa thuận trong hợp đồng là 0,05%/ngày (từ ngày 19/7/2017 đến ngày 06/3/2018) với số tiền là 33.438.480 đồng; tổng cộng là 326.028.011 đồng. Công ty T Hà Nội yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán ngay số tiền nợ nói trên. Ngoài ra, Công ty T Hà Nội không yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại hợp đồng.

Tại văn bản ngày 12/12/2017 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là Công ty Cổ phần kinh doanh thương mại và xây dựng T do ông Đỗ Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty T thừa nhận ngày 24/02/2017, Công ty T Hà Nội có ký Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP với Công ty T như nguyên đơn trình bày như trên là đúng. Sau khi ký hợp đồng, ngày 10/3/2017, Công ty T Hà Nội đã chuyển giao số lượng hàng hóa và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số hàng đã giao cho Công ty T là 294.597.718 đồng. Công ty T đã nhận đủ số lượng hàng hóa và đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho Công ty T Hà Nội. Tiếp đó, ngày 10/4/2017, Công ty T Hà Nội đã chuyển giao số lượng hàng hóa và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số hàng đã giao cho Công ty T là 293.247.559 đồng. Do Công ty T chưa thanh toán được số tiền hàng lần này nên ngày 19/7/2017, hai bên đã

tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó thì Công ty T còn nợ Công ty T Hà Nội số tiền của chuyển hàng ngày 10/4/2017 là 302.589.531 đồng, trong đó nợ gốc là 293.247.655 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 10/4/2017 đến ngày 19/7/2017 là 9.341.876 đồng; tổng cộng số nợ là 302.589.531 đồng. Ngày 08/01/2018, Công ty T đã thanh toán được 10.000.000 đồng tiền gốc cho Công ty T Hà Nội nên hiện nay số nợ gốc còn lại là 283.247.655 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có quan điểm như sau: do làm ăn khó khăn nên Công ty T xin được thanh toán mỗi tháng là 30.000.000 đồng cho Công ty T Hà Nội cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn và bị đơn nhất trí thỏa thuận các vấn đề như sau :

+ Về tiền lãi các bên đã chốt theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/7/2017: do tính toán nhầm nên các bên đã xác nhận với nhau tiền lãi quá hạn (tính từ ngày 10/4/2017 đến ngày 19/7/2017) là 9.341.531 đồng. Sau khi tính toán lại, nay các bên nhất trí xác nhận số tiền lãi này chỉ là 6.741.560 đồng, còn các số liệu khác trong Biên bản đối chiếu công nợ giữ nguyên. Do vậy tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất quá hạn, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn (tính từ ngày 10/4/2017 đến ngày 19/7/2017) số tiền là 6.741.560 đồng.

+ Về số nợ gốc: trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/01/2018, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 10.000.000 đồng tiền gốc nên hiện nay các bên xác nhận số nợ gốc còn lại là 283.247.655 đồng.

+ Về lãi suất quá hạn tính từ ngày 20/7/2017 đến ngày 17/4/2018: các bên xác nhận phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi trong thời gian này là 39.386.681 đồng.

+ Tổng cộng hiện nay bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi là:

283.247.655 đồng + 6.741.560 đồng + 39.386.681 đồng = 329.375.896 đồng

- Trong trường hợp bị đơn chậm thanh toán thì các bên thống nhất kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP là 0,05%/ngày tính trên số nợ gốc chưa thanh toán.

- Các bên không nhất trí thỏa thuận được về thời gian trả nợ. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay số tiền nợ nói trên. Phía bị đơn có quan điểm do làm ăn kinh tế khó khăn nên bị đơn chưa có tiền trả ngay như nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình

giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội, ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa các bên về số tiền nợ như sau: Công ty Cổ phần kinh doanh Thương mại và Xây dựng T phải thanh toán số tiền mua thép còn thiếu là 329.375.896 đồng cho Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội, đồng thời còn phải thanh toán tiền lãi chậm trả của số nợ trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP ngày 24/02/2017 giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán thép cốt bê tông" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 319 - Luật Thương mại 2005 thì đơn khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 24/02/2017, Công ty Cổ phần kinh doanh Thương mại và Xây dựng T (Bên A) do bà Bùi Hoàng Y (Tổng Giám đốc) đại diện ký Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP với Công ty Cổ phần Vật tư T Hà Nội (bên B) do ông Nguyễn Đình D (Phó giám đốc) đại diện, theo đó Bên B bán cho Bên A thép cốt bê tông cán nóng các loại do các nhà máy Hòa Phát, Việt Đức, Việt Nhật, Việt Hàn, Pomina, Thái Nguyên...sản xuất. Số lượng hàng hóa tính theo lượng hàng giao nhận thực tế, giá cả hàng hóa thì áp dụng từng thời điểm cho từng lô hàng. Thời gian, phương thức, địa điểm giao nhận hàng thì theo thỏa thuận từng đợt. Phương thức và thời hạn thanh toán là sau 15 ngày kể từ ngày giao nhận hàng. Các điều khoản khác cũng đã được các bên thống nhất trong hợp đồng. Như vậy, Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP ký ngày 24/02/2017 nói trên là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định tại

Điều 24 - Luật Thương mại 2005; các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng; không tranh chấp về hình thức và nội dung hợp đồng nên Hợp đồng này có giá trị pháp lý,.

[5] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên thừa nhận đợt giao hàng lần đầu, các bên đã giao nhận hàng và thanh toán tiền đầy đủ. Tiếp đó, ngày 10/4/2017, Công ty T Hà Nội đã chuyển giao số lượng hàng hóa và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số hàng đã giao cho Công ty T là 293.247.559 đồng. Phía Công ty T xác nhận đã nhận đủ hàng của đợt này nhưng chưa thanh toán được số tiền hàng cho Công ty T Hà Nội. Do vậy, ngày 19/7/2017, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó Công ty T còn nợ Công ty T Hà Nội số tiền của đợt hàng ngày 10/4/2017 là 302.589.531 đồng, trong đó nợ gốc là 293.247.655 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 10/4/2017 đến ngày 19/7/2017 là 9.341.876 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/4/2018, các bên thống nhất thỏa thuận như sau: nguyên đơn xin rút một phần lãi suất quá hạn đã chốt trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/7/2017 (tính từ ngày 10/4/2017 đến ngày 19/7/2017) nay chỉ còn là 6.741.560 đồng; về nợ gốc thì bị đơn chỉ còn nợ là 283.247.655 đồng; về lãi suất quá hạn tính từ ngày 20/7/2017 đến ngày 17/4/2018 phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 39.386.681 đồng; về lãi suất do chậm thi hành án thì các đương sự đề nghị tính theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP ngày 24/02/2017 đã ký kết. Xét các thỏa thuận tại phiên tòa giữa các bên đương sự là tự nguyện, công khai, không trái quy định của pháp luật (kể cả cách tính lãi suất chậm trả theo Hợp đồng là 0,05%/ ngày trên số nợ gốc chậm trả thì cũng chưa vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay như quy định tại Điều 468 - BLDS 2015 nên việc thỏa thuận lãi suất phát sinh chậm trả này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 - BLDS 2015), do vậy các thỏa thuận này của đương sự được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T Hà Nội. Công ty T còn phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu theo Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP ký ngày 24/02/2017 như sau:

- Tiền mua hàng còn thiếu là 283.247.655 đồng
- Tiền lãi phải trả tính từ ngày 10/4/2017 đến ngày 19/7/2017 là 6.741.560 đồng
- Tiền lãi phải trả tính từ ngày 20/7/2017 đến ngày 17/4/2018 là 39.386.681 đồng.
- Tổng số tiền Công ty T phải trả cho Công ty T Hà Nội là:

283.247.655 đồng + 6.741.560 đồng + 39.386.681 đồng = 329.375.896 đồng

(ba trăm hai chín triệu ba trăm bảy lăm ngàn tám trăm chín sáu đồng)

* Về án phí: Yêu cầu của Công ty T Hà Nội được Tòa án chấp nhận, do vậy theo

quy định tại khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: 329.375.896 đồng x 5% = 16.468.000 đồng. Công ty T Hà Nội không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Các Điều 24, 50; 306, 319 - Luật Thương mại

- Điều 116 - Luật doanh nghiệp

- Các Điều 357, 468 - Bộ luật dân sự 2015

- Điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Điều 26 - Luật Thi hành án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội đối với Công ty Cổ phần kinh doanh Thương mại và Xây dựng T. Buộc Công ty Cổ phần kinh doanh Thương mại và Xây dựng T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội số tiền **329.375.896 đồng** (*ba trăm hai chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm chín sáu đồng*)

* Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 24022017/HĐKT-THN/TP ký ngày 24/02/2017 là 0,05%/ngày trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án trong thời gian quá hạn.

2. Về án phí:

- Công ty Cổ phần kinh doanh Thương mại và Xây dựng T phải nộp

16.468.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch

- Công ty Cổ phần vật tư T Hà Nội không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2012/08685 ngày 08/01/2018 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Mai Thu

